TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT L3** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HSST
Ngày 17/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT L3
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- L1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa pQ3 tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hà và bà Phạm Thị Mai

- Thư ký pQ3 tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia pQ3 tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 13/10/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 04/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Công L sinh năm 1989; tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú phố 1B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: L3; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt L3; con ông Lê Bá N và bà Nguyễn Thị V; vợ Nguyễn Thị H và có 01 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2023 đến ngày 20/5/2023 được thay đổi biện pháp tạm giữ sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Đức L1 sinh năm 1987; tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú số nhà 47, đường 1, phố 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: L3; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt L3; con ông Nguyễn Quốc K (đã chết) và bà Võ Thị T (đã chết); vợ Lưu Thị Thanh H và có 03 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2023 đến ngày 20/5/2023 được thay đổi biện pháp tạm giữ sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Xuân L2 sinh năm 1983; tại Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; hộ khẩu thường trú thôn Ngô Xá 2, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay thôn Quyết Q 1, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: L3; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt L3; con ông Lê Thanh H (đã chết) và bà Trần Thị Y; vợ Vũ Thị Tvà có 02 con. Tiền sự không; tiền án không. Lịch sử bản thân năm 2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù về tội "Cướp tài sản", năm 2011 bị Tòa án nhân dân L1 phố Ninh Bình xử phạt 10.000.000 đồng về tội "Đánh bạc, với tổng số tiền sử dụng đánh bạc trong vụ án là 3.250.000 đồng", đã thi hành được 1.000.000 đồng còn lại

9.000.000 đồng đến ngày 24/02/2023 được Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh L3 Định ra quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước là 9.000.000 đồng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2023 đến ngày 20/5/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Đăng L3 sinh năm 1974; tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú phố Khu Đông, thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lái xe; trình độ văn hóa 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: L3; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt L3; con ông Phạm Đăng M (đã chết) và bà Phạm Thị N; vợ Lưu Thị N và có 02 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2023 đến ngày 20/5/2023 được thay đổi biện pháp tạm giữ sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lại Văn L4 sinh năm 1981; tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú phố 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp thợ sửa xe; trình độ văn hóa 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Văn G và bà Đinh Thị N; vợ Nguyễn Thị T và có 03 con; tiền sự không; tiền án không; lịch sử bản thân năm 2006 bị Công an huyện Y xử phạt 500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Đoàn Thị L5 sinh năm 1962; tại xã C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú phố Cầu Rào, thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt L3; con ông Đoàn Văn P (đã chết) và bà Vũ Thị L (đã chết); cQ7 là Đinh Văn M (đã chết) không có con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L5: Bà Ngô Thị Lý là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Phạm Văn Q sinh năm 1979; địa chỉ phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thế Q1 sinh năm 1984; địa chỉ phố Trung Lân, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Vũ Q Q2 sinh năm 1961; địa chỉ phố 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị Khuất Thị Mai Q3 sinh năm 1983; địa chỉ phố 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Đinh Công Q4 sinh năm 1984; địa chỉ phố 1B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q5 sinh năm 1980; địa chỉ xóm 8, xã Khánh Nhạc, huyện Y, Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q6 sinh năm 1978; địa chỉ phố Thị Lân, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Lại Văn L4 sinh năm 1981 (cũng là bị cáo trong vụ án đánh bạc); địa chỉ phố 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Q7 sinh năm 1996; địa chỉ phố 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pQ3 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A. Về hành vi đánh bạc:

Hồi 18 giờ 45 ngày 11/5/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình Q hành triệu tập L và L1 để làm việc; quá trình làm việc L và L1 khai nhận hành vi mua bán số Lô, số Đề của mình và giao nộp 02 chiếc điện thoại di động. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình tiếp tục triệu tập L2, L3, L4 để làm việc; các đối tượng đều khai nhận hành vi mua bán số Lô, số Đề của mình.

Kết quả điều tra xác định: L1 thỏa thuận với L, Q, L5 để mua bán số Lô, số Đề với nhau. L1 sử dụng điện thoại Iphone X sim thuê bao số 0948255998 đăng nhập tài khoản Zalo "Nguyễn Quốc Hoàng"; L sử dụng điện thoại Samsung Galaxy S8 sim thuê bao số 0853565715 đăng nhập tài khoản Zalo "Tú Nguyễn"; L2 sử dụng điện thoại Iphone 11 sim thuê bao số 0942754555 đăng nhập tài khoản Zalo "Thần Đèn"; L4 sử dụng điện thoại Samsung M21 sim thuê bao số 0975085801; L5 sử dụng điện thoại OPPO A53 sim thuê bao số 0963310035 đăng nhập tài khoản Zalo "Đoàn L5"; L3 sử dụng điện thoại Iphone Xs Max sim thuê bao số 0966981919; Q sử dụng điện thoại Samsung sim thuê bao số 0982362078 đăng nhập tài khoản Zalo "Tân Q" để nhắn tin mua bán số Lô, số Đề với nhau.

Hình thức mua bán và trả thưởng số Lô, số Đề là dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc trả thưởng cùng ngày, cụ thể như sau:

- Lô Hà Nội: Người chơi chọn 02 số bất kỳ (gọi là 01 điểm) là 22.000 đồng (mặc dù L1 khai nhận các số Lô có giá là 21.800 đồng/01 điểm nhưng đó là tiền hoa Q7 L1 trích lại cho những người chơi), nếu trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải xổ số nào thì được trả thưởng 80.000 đồng/1 điểm.

- Đề 02 số: Người chơi chọn 02 số bất kỳ nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì được trả thưởng gấp 80 lần số tiền chơi.

- Đề 03 số (ba càng): Người chơi chọn 03 số bất kỳ nếu trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì được trả thưởng gấp 400 lần số tiền chơi.

Ngày 11/5/2023 L5, Q trực tiếp chuyển số Lô, số Đề cho L1; còn L nhận các số Lô, số Đề của L2 và L4 rồi chuyển cho L1 để hưởng chênh lệch. Ngoài ra L còn tự nhận các số Lô, số Đề mà theo L có tỷ lệ trúng thưởng thấp, không chuyển cho L1 để hưởng lợi cao hơn. L2 nhận số Lô, số Đề của L3 rồi chuyển cho L. Các bị cáo và người liên quan chưa thanh toán tiền mua bán số Lô, số Đề và tiền trúng thưởng cho nhau.

1. L3 mua của L2 gồm:

Lô Hà Nội các số "56, 65, 05, 50, 49, 94" mỗi số 30 điểm, mỗi điểm 22.000 đồng; L1 tiền là 3.960.000 đồng; L3 trúng thưởng số Lô "49" là 2.400.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để mua bán số Lô và trúng thưởng là **6.360.000 đồng**.

2. L2 mua của L gồm:

- L2 chuyển toàn bộ số Lô Hà Nội đã bán cho L3 sang cho L.

- L2 mua thêm của L gồm Lô Hà Nội các số "74, 47" mỗi số là 50 điểm, số "99" là 40 điểm, mỗi điểm là 22.000 đồng; Đề hai số, các số "05, 50" mỗi số là 100.000 đồng, các số "00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 00" mỗi số 30.000 đồng; tổng L1 tiền L2 mua số Lô, số Đề của L là 3.880.000 đồng; L2 trúng thưởng số Lô "74" là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để mua bán số Lô, số Đề và trúng thưởng là **7.880.000 đồng**.

3. L4 mua của L gồm:

Lô Hà Nội các số "55, 99, 89, 98, 23, 32, 14, 41" mỗi số 50 điểm, mỗi điểm 22.000 đồng; L1 tiền là 8.800.000 đồng; L4 trúng thưởng các số Lô "55, 41" L1 tiền là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để mua bán số Lô và trúng thưởng là **16.800.000 đồng**.

4. L mua của L1:

- L chuyển một phần các số Lô, số Đề (đã bán cho L3, L2, L4) cho L1 gồm Lô Hà Nội các số "56, 65, 05, 50, 49, 94" mỗi số 30 điểm, các số "55, 89, 98, 23, 32, 14, 41" mỗi số 50 điểm, các số "74, 47" mỗi số 50 điểm, mỗi điểm là 21.800 đồng; trúng thưởng số Lô "55, 41, 74" L1 tiền là 14.400.000 đồng. Đề 02 số các số "05, 50" mỗi số 50.000 đồng; không trúng thưởng.

5. L5 mua của L1:

- Lô Hà Nội các số "20, 76" mỗi số là 06 điểm, các số "34, 04" mỗi số 05 điểm, các số "11, 22, 88, 96, 69, 91, 19" mỗi số 02 điểm, mỗi điểm là 21.800 đồng, tổng L1 tiền mua số Lô là 784.800 đồng; L5 trúng thưởng Lô Hà Nội các số "34, 88, 69" L1 tiền là 720.000 đồng.

- Đề 02 số các số "22, 11, 64, 46, 41, 14, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69" mỗi số là 10.000 đồng, số "20" là 15.000 đồng, các số "66, 40, 04, 40, 04" mỗi số là 20.000 đồng, các số "00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99" mỗi số là 25.000 đồng, số "34" là 50.000 đồng; tổng số tiền L5 sử dụng mua số Đề là 575.000 đồng; L5 trúng thưởng số Đề "34" là 4.000.000 đồng.

- Đề 03 số, số "404" là 10.000 đồng, các số "119, 079" mỗi số là 15.000 đồng; L5 không trúng thưởng.

Tổng số tiền mua bán số Lô, số Đề và trúng thưởng là **6.119.800 đồng**.

6. Q mua của L1 gồm:

Lô Hà Nội các số "18, 81, 44" mỗi số 50 điểm, mỗi điểm là 21.800 đồng, L1 tiền là 3.270.000 đồng. Q không trúng thưởng.

B. Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Căn cứ vào tài liệu điều tra về hành vi mua bán số Lô, số Đề; Cơ quan điều tra

Công an tỉnh Ninh Bình đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của L và đã thu giữ trong két sắt của gia đình L 10 giấy vay tiền của 07 người vay và số tiền 8.300.000 đồng. Kết quả điều tra xác định L cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày và 6.470,095 đồng/triệu/ngày, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến ngày 11/5/2023, cụ thể như sau:

1. Cho anh Q1 vay:

1.1. Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 19/4/2023 là 210 ngày, số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi anh Q1 đã trả là 31.500.000 đồng và nợ lại số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 30.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 210 ngày = 3.452.055 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 31.500.000 đồng - 3.452.055 đồng = 28.047.945 đồng.

1.2. Từ ngày 19/4/2023 đến ngày 11/5/2023 là 22 ngày, số tiền vay cũ còn nợ là 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi anh Q1 phải trả nhưng chưa trả là 3.300.000 đồng. Đã trả xong tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 30.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 22 ngày = 361.644 đồng;

- Tiền thu lời bất chính nhưng chưa nhận: 3.300.000 đồng - 361.644 đồng = 2.938.356 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q1 vay là 30.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của anh Q1 là 31.500.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 3.452.055 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 28.047.945 đồng). Số tiền lãi chưa nhận là 3.300.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 361.644 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 2.938.356 đồng).

2. Cho anh Q2 vay:

2.1. Từ ngày 18/3/2023 đến ngày 18/4/2023 là 30 ngày, số tiền vay là 5.000.000 đồng (thỏa thuận trong giấy vay 03 tháng trả gốc, tiền lãi trả theo tháng), lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi anh Q2 đã trả là 750.000 đồng và nợ lại tiền gốc là 5.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 82.192 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 750.000 đồng - 82.192 đồng = 667.808 đồng.

2.2. Từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/6/2023 là 61 ngày, số tiền vay cũ còn nợ là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả do chưa đến hạn phải trả là 1.500.000 đồng; đã trả xong tiền gốc là 5.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 61 ngày = 164.384 đồng;

- Tiền thu lời bất chính nhưng chưa nhận: 1.500.000 đồng - 164.384 đồng = 1.335.616 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q2 vay là 5.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 5.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của anh Q2 là 750.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 82.192 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 667.808 đồng). Số tiền lãi chưa nhận là 1.500.000 (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 361.644 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng).

3. Cho L4 vay:

3.1. Từ ngày 23/01/2022 đến ngày 11/5/2023 là 480 ngày, số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi L4 đã trả 48.000.000 đồng; đã trả xong tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 480 ngày = 5.260.274 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 48.000.000 đồng - 5.260.274 đồng = **42.739.726** đồng.

3.2. Từ ngày 30/5/2022 đến ngày 30/11/2022 là 180 ngày, số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi L4 đã trả là 18.000.000 đồng; đã trả xong tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 180 ngày = 1.972.603 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 18.000.000 đồng - 1.972.603 đồng = 16.027.397 đồng.

3.3. Từ ngày 09/5/2023 đến ngày 14/6/2023 là 34 ngày, số tiền vay (theo hình thức "bốc ống") là 20.000.000 đồng; L cắt lãi trước là 4.000.000 đồng và chỉ đưa cho L4 là 16.000.000 đồng. Mỗi ngày L4 phải trả cho L cả gốc và lãi là 600.000 đồng, như vậy mức lãi suất là 6.470,095 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 129.401,18 đồng tiền lãi một ngày) = 236%/năm, gấp 11,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; tổng tiền lãi đã trả là 4.400.000 đồng; đã trả xong tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 34 ngày = 373.000 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 4.400.000 đồng - 373.000 đồng = 4.027.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền L4 vay 03 lần là 60.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 60.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của L4 là 70.400.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 7.605.877 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 62.794.123 đồng).

4. Cho chị Q3 vay:

4.1. Từ ngày 09/8/2022 đến ngày 18/4/2023 là 250 ngày, số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức

lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; tiền lãi chị Q3 trả là 37.500.000 đồng; đã trả 25.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 5.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 30.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 250 ngày = 4.109.589 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 37.500.000 đồng - 4.109.589 đồng = 33.390.411 đồng.

4.2. Từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/5/2023 là 30 ngày; số tiền gốc còn nợ là 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi chị Q3 đã trả trong 30 ngày là 750.000 đồng và trả xong tiền gốc là 5.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 82.192 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 750.000 đồng - 82.192 đồng = 667.808 đồng.

Như vậy số tiền chị Q3 vay 30.000.000 đồng, tiền gốc đã trả 30.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của chị Q3 là 38.250.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 4.191.781 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là **34.058.219** đồng)

5. Cho anh Q4 vay:

5.1. Từ ngày 28/10/2020 đến ngày 25/02/2021 là 120 ngày, số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi anh Q4 đã trả là 18.000.000 đồng và trả xong tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 120 ngày = 1.972.603 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 18.000.000 đồng - 1.972.603 đồng = 16.027.397 đồng.

5.2. Từ ngày 14/10/2022 đến ngày 19/10/2022 là 05 ngày, số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi anh Q4 đã trả là 250.000 đồng; tiền gốc chưa trả là 10.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 05 ngày = 27.397 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 250.000 đồng - 27.397 đồng = 222.603 đồng.

5.3. Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/02/2023 là 120 ngày, số tiền vay mới là 5.000.000 đồng cộng với tiền gốc còn nợ là 10.000.000 đồng, L1 tổng tiền vay là 15.000.000 đồng; lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi anh Q4 trả là 9.000.000 đồng; trả xong tiền gốc là 15.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 15.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 120 ngày = 986.301 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 9.000.000 đồng - 986.301 đồng = 8.013.699 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q4 vay của 03 lần là 45.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 45.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của anh Q4 là 27.250.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 2.986.301 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính của 03 lần cho vay là 24.263.699 đồng).

6. Cho anh Q5 vay:

6.1. Từ ngày 14/01/2022 đến ngày 14/11/2022 là 270 ngày, số tiền vay là 17.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi anh Q5 đã trả là 22.950.000 đồng; đã trả xong tiền gốc là 17.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 17.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 270 ngày = 2.515.068 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 22.950.000 đồng - 2.515.068 đồng = 20.434.932 đồng.

6.2. Từ ngày 16/12/2022 đến ngày 25/4/2023 là 130 ngày; số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi anh Q5 đã trả là 26.000.000 đồng; số tiền gốc chưa trả là 40.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 130 ngày = 2.849.315 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 26.000.000 đồng - 2.849.315 đồng = 23.150.685 đồng.

6.3. Từ ngày 25/4/2023 đến ngày 11/5/2023 là 16 ngày; số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng; lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả do chưa đến hạn là 3.200.000 đồng; còn nợ 40.000.000 đồng tiền gốc.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 40.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 16 ngày = 350.000 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.200.000 đồng - 350.000 đồng = 2.849.315 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q5 vay 02 lần là 57.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 17.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của anh Q5 của 02 lần vay là 48.950.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 5.364.383 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 43.585.617 đồng); Số tiền lãi chưa nhận là 3.200.000 (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 350.000 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 2.849.315 đồng).

7. Cho anh Q6 vay:

7.1. Từ ngày 09/8/2020 đến ngày 09/11/2020 là 90 ngày, số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi anh Q6 đã trả 4.500.000 đồng và trả hết số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 90 ngày = 493.251đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 4.500.000 đồng - 54.794 đồng = 4.006.849 đồng.

7.2. Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 11/11/2021 là 30 ngày, số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi anh Q6 đã trả 1.500.000 đồng và trả hết số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 164.384 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng - 164.384 đồng = 1.335.616 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Q6 vay 02 lần là 20.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi L đã nhận của anh Q6 là 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức 20%/năm là 657.535 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 5.342.465 đồng).

Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y: Truy tố bị cáo L về các tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo L1, L2, L3, L4, L5 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, Q6 bố bị cáo L phạm các tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội "Đánh bạc"; các bị cáo L1, L2, L3, L4, L5 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; các điển b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Công L từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc" cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày Q6 án; phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc". Giao bị cáo L cho UBND thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức L1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày Q6 án. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Giao bị cáo L1 cho UBND thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thừ thách của án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong biệc giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Căn cứ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với L4

Xử phạt: +) Lê Xuân L2 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 11/05/2023 đến ngày 20/5/2023) tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 03 ngày đến 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án của Toà án. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Khấu trừ thu thập từ 5% đến 10% hằng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+) Lại Văn L4 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án của Toà án. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Khấu trừ thu thập từ 5% đến 10% hằng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo L2 cho UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh L3 Định; giao bị cáo L4 cho UBND thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với L5.

Xử phạt: - Phạm Đăng L3 từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng.

- Đoàn Thị L5 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về Q5 pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+) Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy S8 lắp sim thuê bao 0853.565.715, 01 điện thoại Iphone X lắp sim số thuê bao 0948.255.998, 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim số thuê bao 0942.754.555, 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số thuê bao 0966.981.919, 01 điện thoại OPPO A53 lắp sim số thuê bao 0963.310.035; riêng các sim điện thoại thì tịch thu tiêu huỷ.

+) Buộc bị cáo L phải nộp lại toàn bộ số tiền của L đã cho vay và L đã nhận về là 207.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi 20% mà L đã nhận của những người vay là 24.360.000 đồng; buộc anh Q5 phải nộp lại số tiền vay của L nhưng chưa trả cho L là 40.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+) Buộc bị cáo L3 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô là 3.960.000 đồng; buộc bị cáo L2 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô, số Đề là 3.880.000 đồng; buộc bị cáo L4 phải nộp lại số tiền mua số Lô, số Đề là 8.800.000 đồng; buộc bị cáo L5 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô, số Đề là 1.399.800 đồng; buộc anh Q phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô là 3.270.000 đồng; buộc bị cáo L1 phải nộp lại số tiền sử dụng để trả thưởng số Lô, số Đề là 19.120.000 đồng, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+) Trả lại cho bị cáo L số tiền đã thu giữ là 8.300.000 đồng, bị cáo L1 số tiền đã thu ngữ là 5.000.000 đồng và số tiền L1 tự nguyện giao nộp là 15.000.000 đồng, số

tiền L tự nguyện giao nộp là 5.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên đều tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo L, L1, L2, L3, L4 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L5.

Bà Ngô Thị Lý bào chữa cho bị cáo L5 trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo L5 về tội Đánh bạc là đùng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, trình độ học vấn thấp, số tiền sử dụng đánh bạc thấp; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điển i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo và xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại pQ3 tòa các bị cáo L, L1, L2, L3, L4, L5 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pQ3 tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại pQ3 tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người liên quan, phù hợp vơi các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ nên có đủ cơ sở khẳng định:

1.1. Về hành vi mua bán số Lô, số Đề: Ngày 11/5/2023 các bị cáo L3, L2, L4, L, L5, L1 và người liên quan là anh Q đã mua bán và trúng thưởng số Lô, số Đề với nhau cụ thể như sau:

- L2 bán số Lô cho L3 với tổng số tiền là 3.960.000 đồng, sau đó L2 chuyển toàn bộ số Lô đã bán cho L3 sang cho L và L2 mua thêm của L số Lô, số Đề với tổng số tiền là 3.880.000 đồng; L3 trúng thưởng với số tiền là 2.400.000 đồng, L2 trúng thưởng với số tiền là 4.000.000 đồng.

- L4 mua của L số Lô với số tiền là 8.800.000 đồng; L4 trúng thưởng với số tiền là 8.000.000 đồng.

- L chuyển một phần các số Lô, số Đề (đã bán cho L3, L2, L4) cho L1 với tổng số tiền đã bán là 13.960.000 đồng, nhưng L chỉ phải chuyển cho L1 với số tiền là 13.734.000 đồng (do được hưởng tiền hoa Q7).

- L5 mua của L1 số Lô, số Đề với tổng số tiền là 2.119.800 đồng; L5 trúng thưởng với số tiền là 4.000.000 đồng.

- Anh Q mua của L1 số Lô với số tiền là 3.270.000 đồng; anh Q không trúng thưởng.

Như vậy, tổng số tiền mua bán số Lô, số Đề và trúng thưởng; mỗi bị cáo phải

chịu trách nhiệm hình sự gồm: L3 là **6.360.000 đồng**; L5 là **6.119.800 đồng**; L2 là **14.240.000 đồng**; L4 là **16.800.000 đồng**; L là **31.030.000 đồng**; L1 là **37.687.000 đồng**.

Hành vi tự mua bán và trả thưởng số Lô, số Đề với nhau của các bị cáo L, L1, L2, L3, L4 và L5 là trái pháp luật, với số tiền của mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như phân tích nêu trên; nên hành vi của các bị cáo L, L1, L2, L3, L4 và L5 đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định về tội "Đánh bạc".

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

1.2. Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 L đã cho 07 người gồm "Anh Q1, anh Q2, L4, chị Q3, anh Q4, anh Q5 và anh Q6" vay với tổng số tiền L cho vay là 247.000.000 đồng; với mức lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày = 182,5%/năm và 6.470,095 đồng/triệu/ngày = 236%/năm gấp 9,125 lần và 11,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi mà 07 người vay phải trả cho L là 231.100.000 đồng, nhưng L mới chỉ được nhận của 07 người vay với tổng số tiền lãi là 222.700.000 đồng. Theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất cho vay "Trường hợp các bên các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay". Như vậy mức lãi suất L cho 07 người vay nêu trên đều gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm là 25.216.438 đồng; số tiền thu lời bất chính là 205.883.562 đồng.

Hành vi cho vay với lãi suất gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, đã thu lời bất chính với số tiền là 205.883.562 đồng của bị cáo L là trái pháp luật; đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về lãi suất cho vay, hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng L2 giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án "Đánh bạc" bị cáo L1 giữ vai trò thứ nhất vì toàn bộ số tiền mua số Lô, số Đề đều chuyển cho L1; bị có L giữ vai trò thứ hai trong vụ án vì L cũng tham gia trả thưởng số Lô, số Đề cho người chơi; bị cáo L2 giữ vai trò thứ 3 trong vụ án; các bị cáo L3, L4 và L5 giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng:

- Bị cáo L: Đối với tội "Đánh bạc" không có tình tiết tăng nặng; đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" có 02 lần cho vay thu lời bất chính của mỗi lần với số tiền trên 30.000.000 đồng, nên đã phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo L1, L2, L3, L4, L5: Đều không có tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ:

- Bị cáo L1: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm L2; L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại một phần tiền sử dụng vào việc đánh bạc" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo L: Về tội Đánh bạc "L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nôp lại một phần tiền sử dụng vào việc đánh bạc; bị cáo có anh trai đang chấp hành án phạt tù nên bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang phải nuôi dưỡng bố đẻ ốm đau bệnh tất có xác nhận của chính quyền địa phương" theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự "Tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính cho người liên quan; L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có anh trai đang chấp hành án phạt tù nên bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang phải nuôi dưỡng bố đẻ ốm đau bệnh tất có xác nhận của chính quyền địa phương" theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo L2: "L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo L3 và L4: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm L2; L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo L5: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm L2; L1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cQ7 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo thuộc hộ cận nghèo" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng:

Đối với bị cáo L1: Bị cáo xếp vai trò thứ nhất trong vụ án với số tiền phải chịu trách nhiệm là 37.687.000 đồng, nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới có đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo L1 có 03 tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng. Xét bị cáo L1 phạm tội ít nghiêm L2; bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; nên xét không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo L1 được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giáo sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung là 12.000.000 đồng.

Đối với bị cáo L: Đối với tội "Cho vay lãi nặng L2 giao dịch dân sự" căn cứ vào tính chất, hậu quả, sự ăn năn hối cải của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo; nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp. Đối với tội "Đánh bạc" bị cáo cũng là người nhận số đề để trả thưởng cho bị cáo khác, nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo. Về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ; về tội "Đánh bạc" có 03 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo trong mỗi tội, tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết trong mỗi tội mà bị cáo được hưởng. Xét bị cáo L phạm tội ít nghiêm L2; bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; nên xét không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; căn cứ khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo L được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giáo sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung 12.000.000 đồng về tội "Đánh bạc".

Đối với bị cáo L2 và bị cáo L4: Số tiền đánh bạc L2 phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.240.000 đồng, số tiền đánh bạc L4 phải chịu trách nhiệm hình sự là 16.800.000 đồng; nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo. Bị cáo L2 có 01 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo L4 có 02 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo, tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà mỗi bị cáo được hưởng. Phạt bổ sung đối với L2 và L4 mỗi bị cáo là 12.000.000 đồng, Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các bị cáo L3 và L5: Giữ vai trò cuối cùng trong vụ án, các bị cáo đều có nhân thân tốt, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo. Bị cáo L3 có hai tình tiết giảm nhẹ, bị cáo L5 có 04 tình tiết giảm nhẹ; nên giảm nhẹ một phần

về hình phạt cho các bị cáo, tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà mỗi bị cáo được hưởng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi thu lời bất chính do vượt quá 20% mà L đã nhận của 07 người vay gồm "Anh Q1, anh Q2, chị Q3, anh Q4, anh Q5, anh Q6 và L4". Bị cáo L đã tự nguyện hoàn trả lại đầy đủ cho anh Q1, anh Q2, chị Q3, anh Q4, anh Q5, anh Q6 và L4; những người liên quan đều không có yêu cầu gì, nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về Q5 pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm của L "8.300.000 đồng và 01 điện thoại Samsung Galaxy S8 lắp sim số 0853.565.715"; của L1 "5.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone X lắp sim số 0948.255.998"; của L2 "01 điện thoại Iphone 11 lắp sim số 0942.754.555"; của L3 "01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0966.981.919"; của L5 "01 điện thoại OPPO A53 lắp sim số 0963.310.035". Trong quá trình chuẩn bị xét xử L1 tự nguyện nộp tiền sử dụng để đánh bạc là 15.000.000 đồng; L tự nguyện nộp tiền sử dụng đánh bạc là 5.000.000 đồng.

- Đối với điện thoại: 01 điện thoại Samsung Galaxy S8 số sim 0853.565.715 của L; 01 điện thoại Iphone X số sim 0948.255.998 của L1; 01 điện thoại Iphone 11 số sim 0942.754.555 của Trong; 01 điện thoại Iphone XS max số sim 0966.981.919 của L3; 01 điện thoại OPPO A53 số sim 0963.310.035 của L5. Các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số Tiền thu gữ của L là 8.300.000 đồng và số tiền thu gữ của L1 là 5.000.000 đồng không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo. Số tiền L tự nguyện giao nộp là 5.000.000 đồng, số tiền L1 tự nguyện giao nộp là 15.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên của L và L1 đều được tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền các bị cáo và người liên quan sử dụng vào việc đánh bạc, các bị cáo chưa thanh toán cho nhau, buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: L3 tiền mua số Lô là 3.960.000 đồng; L2 tiền mua số Lô, số Đề là 3.880.000 đồng; L4 tiền mua số Lô, số Đề là 8.800.000 đồng; L5 tiền mua số Lô, số Đề là 1.399.800 đồng; L tiền mua số Lô, số Đề là 3.880.000 đồng; Q tiền mua số Lô là 3.270.000 đồng; L1 tiền sử dụng để trả thưởng số Lô, số Đề là 19.120.000 đồng (gồm L3 là 2.400.000 đồng, L2 là 4.000.000 đồng, L4 là 8.000.000 đồng, L5 là 4.720.000 đồng).

- Toàn bộ số tiền của L cho vay là 247.000.000 đồng (trong đó tiền cho vay L đã lấy về là 207.000.000 đồng; tiền lãi 20% mà L đã nhận của những người vay là 24.360.000 đồng "lấy tròn số" gồm (của anh Q1 là 3.452.055 đồng, của anh Q2 là 82.192 đồng, của L4 là 7.605.877 đồng, của chị Q3 là 4.191.781 đồng, của anh Q4 là 2.986.301 đồng, của anh Q5 là 5.364.383 đồng, của anh Q6 là 657.535 đồng); số tiền của L cho vay anh Q5 vay, nhưng anh Q5 chưa trả cho L là 40.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền là phương tiện và liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L, nên buộc bị cáo L và anh Q5 phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] L2 vụ án "Đánh bạc" anh Q có mua số Lô của L1, nhưng tổng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 anh Q có nhân thân tốt, nên hành vi của anh Q không cấu L1 tội phạm. Trong vụ án "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" chị Q7 có viết hộ giấy vay tiền giúp cho L, nhưng chị Q7 không tham gia vào việc cho vay, không biết việc cho vay lãi nặng và cũng không hưởng lợi ích gì; nên hành vi của chị Q7 không có dấu hiệu tội phạm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại pQ3 tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo L, L1, L2, L3, L4 đều bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo L5 bị kết án nhưng bị cáo là người cao tuổi và thuộc hộ cận nghèo, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Q6 bố bị cáo Lê Công L phạm các tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội "Đánh bạc". Các bị cáo Nguyễn Đức L1, Lê Xuân L2, Phạm Đăng L3, Lại Văn L4 và Đoàn Thị L5 phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Công L 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; 12 (mười hai) tháng tù về tội "Đánh bạc" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thư thách tính từ ngày Q6 án ngày 17/11/2023. Phạt bổ sung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) về tội "Đánh bạc".

3. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức L1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày Q6 án ngày 17/11/2023. Phạt bổ sung 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Giao bị cáo L và bị cáo L1 cho UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo L, gia đình bị cáo L1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp bị cáo L, bị cáo L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo; bị cáo L, bị cáo L1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ thểm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với L4

Xử phạt: +) Lê Xuân L2 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 11/05/2023 đến ngày 20/5/2023) tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án của Toà án. Phạt bổ sung từ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

+) Lại Văn L4 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án của Toà án. Phạt bổ sung từ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo L2 và khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo L4 trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo L2 cho UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh L3 Định; giao bị cáo L4 cho UBND thị trần Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo L2, gia đình bị cáo L4 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Trường hợp bị cáo L2, bị cáo L4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với L5.

Xử phạt: - Phạm Đăng L3 25.000.000 đồng (hai mười lăm triệu đồng).

- Đoàn Thị L5 20.000.000 đồng (hai mười triệu đồng).

6. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy S8 lắp sim thuê bao 0853565715; 01 điện thoại Iphone X lắp sim số thuê bao 0948255998; 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim số thuê bao 0942754555; 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số thuê bao 0966981919; 01 điện thoại OPPO A53 lắp sim số thuê bao 0963310035; riêng các sim điện thoại thì tịch thu tiêu huỷ. Toàn bộ vật chứng có đặc điểm tình trạng như Q5 bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Buộc bị cáo Lê Công L phải nộp lại toàn bộ số tiền của L đã cho vay và L đã nhận về là 207.000.000 đồng (hai trăm linh bảy triệu đồng); tiền lãi 20% mà L đã nhận của những người vay là 24.360.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đông) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Văn Q5 phải nộp lại số tiền vay của Lê Công L chưa trả là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Đăng L3 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô là 3.960.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Xuân L2 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô, số Đề là 3.880.000 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lại Văn L4 phải nộp lại số tiền mua số Lô, số Đề là 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng). Để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đoàn Thị L5 phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô, số Đề là 1.399.800 đồng (một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng). Để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Phạm Văn Q phải nộp lại số tiền sử dụng để mua số Lô là 3.270.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mười nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức L1 phải nộp lại số tiền sử dụng để trả thưởng số Lô, số Đề là 19.120.000 đồng (mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo L số tiền đã thu giữ là 8.300.000 đồng, bị cáo L1 số tiền đã thu ngữ là 5.000.000 đồng; toàn bộ số tiền đang trong tài khoản số 3949.0.1055132.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, theo ủy nhiệm chi số 26 ngày 24/9/2019 của Công an huyện Y và số tiền L1 tự nguyện giao nộp là 15.000.000 đồng theo Q5 lai thu tiền số 0003218 ngày 17/10/2023, số tiền L tự nguyện giao nộp là 5.000.000 đồng theo Q5 lại thu tiền số 0003218 ngày 17/10/2023; cả hai Q5 lại thu tiển đều của Chị cục thi hành án dân sự huyện Y. Toàn bộ số tiền trên đều tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Lê Công L, Nguyễn Đức L1, Lê Xuân L2, Phạm Đăng L3, Lại Văn L4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Thị L5.

Các bị cáo L, L1, L2, L3, L4, L5 và người liên quan trong vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là Lại Văn L4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Q6 án. Những người liên quan là anh Q, anh Q1, anh Q2, chị Q3, anh Q4, anh Q5, anh Q6, chị Q7 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa pQ3 tòa

Bùi Văn Lực